TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG
Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn La***;*** Ông Dương Minh Thiết
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang – Thư ký TAND huyện Lạng Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên– Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2018/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1964; (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 4, BPh, xã NghH, huyện LG, tỉnh BG
2- Bị đơn: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 4, BPh, xã NghH, huyện LG, tỉnh BG;
3. Người làm chứng:
- Bà Phùng Thị H, sinh năm: 1962 (vắng mặt)
- Bà Ninh Thị H, sinh năm: 1968 (vắng mặt)
- Anh Đỗ Văn Th, sinh năm: 1976 (vắng mặt)
Đều cư trú: Thôn 4, BPh, xã NghH, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn D quen biết nhau qua mai mối của bạn bè. Trước khi kết hôn với ông D thì bà đã ly hôn với chồng trước, còn ông D thì vợ chết. Cả hai quyết định về chung sống với nhau từ cuối năm 2016, đến ngày 16/6/2017 thì vợ chồng đến UBND xã NghH để đăng ký kết hôn và đã được UBND xã NghH cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng về chung sống hòa thuận, nhưng đến ngày 06/01/2018 âm lịch, sau khi bà về Bắc Ninh chơi tết lên thì ông D nói hai người không hòa hợp thì chia tay nhau và ông D đã đuổi bà ra khỏi nhà. Lúc đó, anh em trong gia đình có đến can ngăn nhưng ông Dg không nghe, bà cũng đã nói hết lý lẽ nhưng ông D vẫn xúc phạm, đuổi bà đi, bà đã phải dọn ra ngoài thuê nhà ở, từ đó

đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông D ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Do mới chung sống, tài sản không có nhiều, khi ly thân hai bên đã tự thỏa thuận phân chia tài sản với nhau có sự chứng kiến của người thân trong gia đình ông D cụ thể bà được nhận 01 xe mô tô cũ loại xe Wave, 01 tủ tôn, 01 giường gỗ, còn ông D nhận 01 tủ lạnh, 01 máy lọc nước. Bà không yêu cầu chia tài sản vì đã phân chia rõ ràng như trên.

Đối với việc ông D làm đơn yêu cầu bà phải trả lại cho ông D 21.000.000 đồng là tiền đền bù đất nông nghiệp của ông D, bà không nhất trí vì bà đã được ông D giao cho quản lý, chi tiêu trong gia đình khi vợ chồng chung sống, số tiền trên bà có được ông D đưa cho để trả nợ, chi tiêu mua sắm tết. Số tiền trên đã chi tiêu cụ thể: bà đã đưa cho ông D 11.000.000 đồng để trả nợ tiền thức ăn chăn nuôi, tiền vay của nhà ông C, bà H cùng thôn, ông D đã trả hết 8.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng đưa lại cho bà, bà lấy 5.000.000 đồng trả nợ ông T, bà H cùng thôn, trả tiền mua bình lọc nước ở Bố Hạ 2.000.000 đồng; mua 01 chỉ vàng 99,99 hết 3.700.000 đồng, mua sắm tết hết 2.000.000 đồng, còn 300.000 đồng mừng tuổi cho các cháu hết. Nay toàn bộ số tiền đã chi trả cho nợ chung, trả tiền mua đồ dùng, vật dụng và chi tiêu chung trong gia đình hết từ trước tết nguyên đán. Ngày bà và ông D thỏa thuận phân chia tài sản, không còn số tiền trên nên không ghi lại trong biên bản nữa, đối với chỉ vàng thì ông D bảo cho bà, sau đó do phải thuê nhà nên bà đã bán đi để chi trả hết. Do đó bà không chấp nhận yêu cầu của ông D.

Ông Nguyễn Văn D tại bản tự khai ngày 05/4/2018, đơn khởi kiện đòi tài sản ngày 10/4/2018 và các lời khai tiếp theo trình bày: Ông và bà H đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như bà H khai. Vợ chồng chung sống sau một thời gian thì mâu thuẫn, do bất đồng tính cách, lối sống, do bà H thường nói dối ông, chi tiêu hoang phí ông không đáp ứng được. Từ đầu năm 2018 thì vợ chồng đã quyết định sống ly thân. Ông và bà H hiện không còn khả năng đoàn tụ, việc duy trì hôn nhân không có hạnh phúc, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Ông và bà H đã tự thỏa thuận phân chia như lời khai của bà H. Tài sản đã phân chia ông không yêu cầu xem xét chia lại.

Về tài sản riêng: Ông có số tiền 21.000.000 đồng là tiền được đền bù đất nông nghiệp, là định suất của riêng ông, ông đã gửi bà H số tiền trên khi vợ chồng chung sống hòa thuận, mục đích để sau này gửi ngân hàng tiết kiệm, chứ không phải để chi tiêu chung cho vợ chồng, cho gia đình. Nay ông xác định bà H vẫn quản lý số tiền trên nên đề nghị Tòa án buộc bà H trả lại cho ông.

Bà Phùng Thị H trình bày: Gia đình bà và gia đình ông D là người cùng thôn, bà có quan hệ họ hàng xa với ông D. Năm 2017, nhà ông D có nợ tiền thức ăn chăn nuôi của nhà bà khoảng 15 triệu đến 16 triệu đồng. Sau khi ông D bán lợn đầu tháng 11/2017 âm lịch, ông D đã mang trả hết cho bà số tiền nợ trên. Về tiền nợ bà có ghi chép trong sổ theo dõi nhưng sau khi ông D trả nợ xong, bà đã xóa đi, không lưu giấy tờ nữa.Về khoản tiền bà H khai đã vay của gia đình bà 8.000.000 đồng để mua xe mô tô và nợ tiền cám và sau đó ông D đã trả 8.000.000 đồng vào ngày

26/12/2017 là không có. Bà cam đoan khai đúng sự thật và đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Ninh Thị H trình bày: ông Nguyễn Văn T, chồng bà có quan hệ họ hàng anh em con bác, con chú với ông D. Khoảng tháng 11/2017 bà có cho bà H vay số tiền 5.000.000 đồng, bà H nói vay nóng lấy vốn mua bán hàng. Sau khi vay khoảng 15 ngày thì bà H đã trực tiếp mang số tiền trên trả cho bà. Khi bà H trả tiền thì không nói lấy tiền từ đâu.Ngoài khoản tiền trên, hai bên không còn cho nhau vay khoản tiền nào khác. Việc bà H khai đã trả số tiền 5.000.000 đồng ngày 29/12/2017 âm lịch là không đúng. Khi vay tiền và khi trả tiền không ghi giấy biên nhận nên bà không có để cung cấp cho Tòa án. Bà cam đoan khai đúng sự thật, đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Đỗ Văn Th trình bày: Gia đình anh và gia đình ông D là hàng xóm với nhau, hai bên không có mâu thuẫn gì. Hiện anh làm nghề thịt lợn, theo sổ sách theo dõi tháng 7/2017 (âm lịch) anh có mua hai con lợn của nhà ông D, 01 con 86kg móc và 01 con 65 kg móc, hai bên đã thanh toán xong tiền, trị giá khi đó là 37.000 đồng/01 kg móc. Ngày 28/12/2017 âm lịch anh mua tiếp nhà ông D một con lợn có trọng lượng 61,5 kg, trị giá thành tiền hơn 3 triệu đồng và thanh toán hết. Ngoài ra, anh có thịt hộ ông D 01 con lợn ăn Tết. Anh cam đoan khai đúng sự thật, đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản, bà không nhất trí yêu cầu của ông D về việc trả số tiền 21.000.000 đồng vì đã chi tiêu hết cho gia đình, còn một chỉ vàng thì ông D đã nói cho bà khi chia tài sản, bà cũng đã bán lấy tiền thuê nhà từ đó đến nay. Ông D nhất trí ly hôn, ông khai khi vợ chồng chung sống kinh tế cùng chung, bà H có buôn bán, vợ chồng chăn nuôi lợn, làm nông nghiệp và bà H là người đứng ra quản lý, chi tiêu trong gia đình, mọi khoản thu, chi giao cho bà H thực hiện. Khi vợ chồng mâu thuẫn, ông đã đuổi bà H ra khỏi nhà, khi đó ông có thấy bà H đeo nhẫn vàng trên tay, ông đã bảo cho bà H hết. Về số tiền 21.000.000 đồng là tiền đền bù đất nông nghiệp của ông, ông tự nguyện đưa cho bà H, có bảo bà H giữ hộ, nhưng ông không nói để bà H chi tiêu trả nợ. Số tiền trả nợ bà H là ông lấy từ tiền bán lợn tháng 7/2017, tiền bà H vay của bà H ông không biết, bà H vay buôn bán thì bà H phải chịu, không phải lấy tiền của ông để trả. Tiền mua máy lọc nước là bà H đi mua và bà H trả hết khi nào ông không biết. Ông yêu cầu bà H trả lại ông 21.000.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá thực trạng mâu thuẫn của bà H, ông D, xét mâu thuẫn của ông, bà đã trầm trọng, kéo dài, đến nay vợ chồng không thể chung sống đề nghị HĐXX áp dụng điều 55 luật hôn nhân và gia đình xử công nhận bà H, ông D thuận tình ly hôn. Đối với yêu cầu của ông D về số tiền 21.000.000 đồng đề nghị HĐXX bác yêu cầu của ông D vì lý do số tiên trên thực tế đã được ông D đưa cho bà H và bà H đã sử dụng chi tiêu, trả nợ

chung cho gia đình, đến nay không có căn cứ nào xác định bà H còn quản lý khoản tiền này. Về án phí, bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông D phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của bà H, ông D cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã NghH, huyện LG ngày 16/6/2017, do đó quan hệ hôn nhân của bà H, ông D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà H và ông D chung sống tại thôn 4, BPh, xã NghH, huyện LG. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong tính cách, lối sống, từ tháng 1/2018 đến nay, ông, bà đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, cả hai đều xác định không thể quay lại chung sống. HĐXX nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn của bà H, ông D đã gay gắt, Tòa án đã hòa giải song không đạt kết quả, do đó HĐXX căn cứ ý kiến, yêu cầu của bà H, ông D công nhận sự thuận tình ly hôn là phù hợp quy định tại điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: không có

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà H, ông D đều thừa nhận trong quá trình chung sống ông, bà đã mua sắm được 01 xe mô tô, 01 tủ tôn, 01 bình lọc nước, 01 tủ lạnh, 01 giường gỗ, hai bên đã tự thỏa thuận phân chia số tài sản trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Đối với đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D, yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông số tiền 21.000.000 đồng là tiền riêng của ông, Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông D khai có số tiền trên và đưa cho bà H đã được bà H thừa nhận. Đối với việc chi tiêu số tiền trên, bà H có giải trình đã trả tiền mua máy lọc nước 2.000.000 đồng, mua sắm tết 2.000.000 đồng, trả nhà bà H, ông T 5.000.000 đồng, mừng tuổi các cháu tết hết 300.000 đồng, đưa ông D trả vợ chồng bà H, C 8.000.000 đồng; mua vàng hết 3.700.000 đồng. Trong các khoản chi tiêu bà H kê khai trên, ông D thừa nhận bà H là người trả các khoản tiền mua máy lọc nước, mua sắm, chi tiêu tết, trả tiền bà H. Đối với số tiền trả bà H 8.000.000 đồng, ông D không thừa nhận được bà H đưa cho mà khai ông lấy từ tiền bán lợn để trả, tuy nhiên tại biên bản đối chất ngày 18/4/2018, ông D khai số tiền 8.000.000 đồng ông trả cho bà H là từ tiền bán lợn cho anh Th đầu tháng 12/2017, nhưng tại phiên tòa ông D khai tiền trả bà H là từ tiền bán lợn cho một người ở xã TL, LG từ tháng

7/2017, ông trả bà H tháng 11/2017 âm lịch, anh Th khai có hai lần anh mua lợn của nhà ông D, một lần mua 2 con vào tháng 7/2017 và một lần mua một con vào cuối tháng 12/2017, bà H lại khai ông Dg đã nợ nhà bà tiền mua cám khoảng 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng và đã trả hết một lần cho bà vào đầu tháng 12/2017 âm lịch. HĐXX thấy, lời khai về số tiền thanh toán trả nợ cho bà H của ông D là bất nhất, cũng không phù hợp với lời khai của người làm chứng, ngoài ra ông D cũng không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh. Đối với 01 chỉ vàng bà H quản lý, ông D thừa nhận khi ông đuổi bà H ra khỏi nhà thì đã nói cho bà H, bà H cũng khai do không có tiền khi bị đuổi khỏi nhà nên bà đã bán chỉ vàng để lấy tiền thuê nhà để ở và đã có giấy tờ xác nhận để chứng minh việc thuê nhà là có thật. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, ông D và bà H đều khai khi chung sống vợ chồng cùng chung kinh tế, bà H là người trực tiếp quản lý, chi tiêu trong gia đình, số tiền 21.000.000 đồng là tiền riêng của ông D, nhưng sau đó đã được ông D tự nguyện giao cho bà H để quản lý, chi tiêu cho các khoản chi của gia đình khi vợ chồng sống chung, việc chi tiêu của bà H, ông D đều biết, vì vậy, nay ông D yêu cầu bà H trả lại ông số tiền trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, ông D phải chịu án phí đối với yêu cầu về tài sản riêng không được chấp nhận.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26; điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D.

Về tài sản: Không chấp nhận yêu cầu của ông D đòi bà Nguyễn Thị H trả cho ông số tiền 21.000.000 đồng.

Án phí: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004389 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Ông Nguyễn Văn D phải chịu 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) ông D đã nộp tạm ứng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004415 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Ông D còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Lạng Giang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã NghH
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***<u>Nơi nhận</u>*:** **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

-VKSND huyện Lạng Giang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã Nghĩa Hưng
-Lưu.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

***<u>Nơi nhận</u>*:**
-VKSND huyện Lạng Gi ang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã Tân Hưng
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

***<u>Nơi nhận</u>*:**
-VKSND huyện Lạng Giang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã Tân Dĩnh
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

***<u>Nơi nhận</u>*:**
-VKSND huyện Lạng Giang;
-THADS huyện Lạng Giang;
-Các đương sự;
-UBND xã Tân Thịnh
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán sơ cấp – Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán sơ cấp – Chủ tọa phiên tòa**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán sơ cấp – Chủ tọa phiên tòa**